

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN A **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 178/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2020

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình, ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Huỳnh Thanh Hùng;

2. Lê Văn Phú.

Thư ký Tòa án: Bà Võ Thị Chúc Phương - cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1972.

Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1974.

Cùng cư trú: Tổ 79, ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông V và bà T cùng vắng mặt, cùng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Huỳnh Văn V trình bày: Hôn nhân của ông với bà Võ Thị T tự tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào đầu năm 1999, đến nay không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông và

bà T bất đồng, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Ông và bà T ly thân khoảng 04 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên không đứng ra hàn gắn. Nay ông xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 25/6/2000 và Huỳnh Thị Thanh N, sinh ngày 12/02/2003. Hiện nay cháu H đã có gia đình, sống tự lập nên ông không yêu cầu. Cháu N đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bà T vắng mặt nên Tòa án ghi nhận sự vắng mặt bà T và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, bà T trình bày: Hôn nhân của bà với ông Huỳnh Văn V tự tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1999, đến nay không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà và ông V bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà và ông V không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 25/6/2000 và Huỳnh Thị Thanh N, sinh ngày 12/02/2003. Hiện nay cháu H đã có gia đình, sống tự lập. Cháu N đang sống với ông V. Khi ly hôn bà đồng ý để ông V tiếp tục nuôi cháu N, bà xin không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Phiên tòa ông V và bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông V và bà T cùng vắng mặt và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông V và bà T theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Xét thấy ông V, bà T không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông V, bà T là

quan hệ vợ chồng. Ông V được tiếp tục nuôi con chung Huỳnh Thị Thanh N, công nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông V và bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng V, bà T vắng mặt và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà T theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 1999, ông V và bà T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đến nay không đăng ký kết hôn. Mặc dù hôn nhân của ông V và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, sau khi về chung sống ông V, bà T không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc trình bày của ông V, bà T phù hợp với giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn A vào ngày 26/02/2020 nên hôn nhân giữa ông V, bà T không được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận ông V, bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông V, bà T thống nhất 02 con chung Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày 25/6/2000 và Huỳnh Thị Thanh N, sinh ngày 12/02/2003. Hiện nay cháu H đã có gia đình, sống tự lập nên ông V, bà T không yêu cầu. Cháu N sống với ông V. Ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, bà T đồng ý để ông V tiếp tục nuôi cháu N. Cháu N cũng trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho ông V tiếp tục nuôi dạy cháu N là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông V.

[5] Về tài sản chung: Ông V và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông V, bà T xác định không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Ông Huỳnh Văn V và bà Võ Thị T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông V được tiếp tục nuôi dạy con chung Huỳnh Thị Thanh N, sinh ngày 12/02/2003. Công nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011838 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (Ông V nộp đủ án phí)

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi

tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc